

KẾ HOẠCH

Thực hiện việc thu, chi tạm thời học phí và thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Năm học 2023-2024

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Hướng dẫn số 1628/SGDĐT-KHTC ngày 15/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định Hướng dẫn về việc thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2023-2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 1629/SGDĐT-KHTC ngày 15/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc hướng dẫn tạm thời thực hiện quản lý thu, chi học phí đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 3908/UBND-GDĐT ngày 22/09/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Lộc về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý thu, chi tài chính tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện;

Căn cứ Công văn số 624/PGDĐT-TV ngày 19/09/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mỹ Lộc về việc tăng cường công tác quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024.

Trường mầm non Mỹ Thịnh xây dựng kế hoạch thu, chi tạm thời học phí và thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023 - 2024 như sau:

I. Công tác huy động học sinh và nhóm lớp

STT	Tên lớp	Số lớp	Số trẻ	Số trẻ đi học thứ bảy
1	Nhà trẻ	2	25	18
2	Lớp 3 - 4 tuổi	2	55	40
3	Lớp 4 - 5 tuổi	2	68	32

STT	Tên lớp	Số lớp	Số trẻ	Số trẻ đi học thứ bảy
4	Lớp 5 - 6 tuổi	3	68	25
	Cộng	9	216	115

II. Kế hoạch thực hiện việc thu, chi học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Học phí

a. Mức thu: 150.000 đồng/trẻ/tháng, thu định kì hàng tháng theo số tháng thực học (không quá 10 tháng).

- Nộp 100% học phí vào Kho bạc Nhà nước theo học kì.

b. Chi tiền học phí:

* Đối với phần thu học phí bằng mức thu quy định tại Nghị quyết 24/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định (90.000đ):

- Trích 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương.

- 60% học phí còn lại chi cho hoạt động thường xuyên:

+ Chi tiền điện từ tháng 09/2023 đến tháng 05/2024.

+ Chi chi sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất (20% - sau khi trừ tiền điện).

+ Chi hoạt động chuyên môn (40% - sau khi trừ tiền điện).

2. Tiền nước uống cho học sinh

* Mức thu: 10.000 đồng/trẻ/tháng, thu định kì hàng tháng theo số tháng thực học.

* Chi tiền nước uống:

- Trả công thuê người đun nước uống (450.000 đồng/tháng).

- Mua ga đun nước (3,5 bình/tháng).

- Thay lõi lọc định kì, sửa chữa bảo dưỡng máy lọc nước.

- Kiểm nghiệm nguồn nước (600.000 đồng/năm).

3. Tiền chăm sóc trẻ ngày thứ bảy

* Mức thu: 30.000 đồng/trẻ/ngày, thu định kì hàng tháng theo số ngày thực đi.

* Chi tiền chăm sóc trẻ ngày thứ bảy:

- Nộp thuế môn bài: 1.000.000đ/tháng.

- Nộp thuế TNDN: 2%/tháng.

- Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp (70% sau khi nộp thuế).

- Chi cho BQL DTHT (15% sau khi nộp thuế).

- Chi tiền điện, nước, sửa chữa CSVC phục vụ dạy thêm, học thêm (15% sau khi trừ thuế).

4. Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh

* Mức thu: 18.000 đồng/trẻ/tháng, thu định kì hàng tháng theo số tháng thực học.

* Chi tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh:

- Thuê người lao động thực hiện vệ sinh trong trường (1.700.000 đồng/tháng).

- Trả công gom rác hàng ngày (500.000 đồng/tháng).

- Mua công cụ, dụng cụ lao động, hóa chất,...

5. Tiền công thuê người nấu ăn bán trú

* Mức thu: 80.000 đồng/trẻ/tháng, thu định kì hàng tháng theo số tháng thực nuôi ăn bán trú.

* Chi tiền công thuê người nấu ăn bán trú (bao gồm các khoản đóng góp bảo hiểm theo quy định của pháp luật): theo số trẻ thực tế đi trong tháng.

6. Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú

* Mức thu: 6.000 đồng/trẻ/ngày, thu định kì hàng tháng theo số ngày thực tế nuôi ăn bán trú.

* Chi tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú:

- Chi trả cho giáo viên trực tiếp chăm sóc và công tác quản lý buổi trưa ăn bán trú: chia đều cho giáo viên và cán bộ quản lý trực trưa.

7. Tiền ăn bán trú

* Mức thu: 20.000 đồng/trẻ/ngày, thu định kì hàng tháng theo số ngày thực tế ăn bán trú. Trong đó:

- Tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn: 18.000 đồng/trẻ/ngày.

- Tiền chất đốt và phụ phí khác: 2.000 đồng/trẻ/ngày.

* Chi tiền ăn bán trú:

- Chi mua thực phẩm theo khẩu phần ăn.

- Chi mua chất đốt và các phụ phí khác.

8. Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú

* Mức thu: 300.000 đồng/trẻ, thu thực tế theo trẻ lần đầu tiên tham gia ăn bán trú.

* Chi tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú:

- Mua mới, mua bổ sung đồ dùng, dụng cụ phục vụ công tác nuôi ăn bán trú: chăn, gối, đệm, dụng cụ nhà bếp ăn bán trú,...

9. Sổ liên lạc điện tử

* Mức thu: 70.000 đồng/trẻ/năm học theo hợp đồng kí với Trung tâm kinh doanh VNPT Vinaphone Mỹ Lộc, thu vào đầu năm học theo số lượng trẻ đăng kí.

* Chi tiền sổ liên lạc điện tử:

- Nộp toàn bộ số tiền thu được của trẻ đăng kí sổ liên lạc điện tử về Trung tâm kinh doanh VNPT Vinaphone Mỹ Lộc.

Trên đây là kế hoạch thu chi học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 của trường mầm non Mỹ Thịnh./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND xã (để báo cáo);
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Phương